

M, ngày 06 tháng 7 năm 2021

Số: 13/2021/QĐST - DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST - DS ngày 09 tháng 6 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Trụ sở chính: 130 P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng Q - Giám đốc **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** - Chi nhánh Hưng Yên.

Địa chỉ: Số 6 N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thu H - Nhân viên khách hàng cá nhân Ngân hàng **thương mại cổ phần Đ** - Chi nhánh Hưng Yên, phòng giao dịch M.

Địa chỉ: Số 60 N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

* Bị đơn: Anh Vũ Xuân T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và anh Vũ Xuân T đều thống nhất:

Anh Vũ Xuân T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tính đến ngày 21/6/2021 theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2015, danh sách cho vay giải ngân qua tài khoản thẻ ngày

31/12/2015 (Gọi là khoản vay 1) và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số TC000001/1217 ngày 03/01/2017 (Gọi là khoản vay 2) tổng cộng là 29.537.419 đồng, trong đó:

- Khoản vay 1:
 - + Nợ gốc: 4.613.061 đồng;
 - + Nợ lãi trong hạn: 286.939 đồng;
 - + Nợ lãi quá hạn: 1.156.362 đồng;
- Khoản vay 2:
 - + Nợ gốc: 15.117.695 đồng;
 - + Nợ lãi quá hạn: 8.363.362 đồng;

2.2. Kể từ ngày 22/6/2021 anh T tiếp tục phải trả nợ **lãi quá hạn** trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo đúng thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2015, danh sách cho vay giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 31/12/2015 (khoản vay 1) và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số TC000001/1217 ngày 03/01/2017 (khoản vay 2) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho ngân hàng.

2.3. Về phương án trả nợ chia làm 03 kỳ:

+ Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 30/6/2021 anh Vũ Xuân T phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc của khoản vay 1 là 2.000.000 đồng.

+ Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 30/7/2021 anh Vũ Xuân T phải thanh toán cho ngân hàng 4.000.000 đồng, gồm: nợ gốc của khoản vay 1 là 2.613.061 đồng, nợ gốc của khoản vay 2 là 1.386.939 đồng.

+ Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 30/8/2021 anh Vũ Xuân T phải thanh toán cho ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại, cụ thể:

Nợ gốc của khoản vay 2 là 13.730.756 đồng; nợ lãi trong hạn của khoản vay 1 là 286.939 đồng; nợ lãi quá hạn của khoản vay 1 là 1.156.362 đồng; nợ lãi quá hạn của khoản vay 2 là 8.363.362 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 22/6/2021 trên số nợ gốc chưa thanh toán tại các kỳ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) và danh sách cho vay trả góp mã đợt vay 0113129801T13008 ngày 07/5/2013 cho đến ngày anh T trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

2.4. Án phí: Anh Vũ Xuân T chịu 738.400 (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** số tiền tạm ứng án phí là 733.900 (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004444 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND thị xã M;*
- *Chi cục THADS thị xã M;*
- *Phòng KTNV và THA - TAND*
tỉnh Hưng Yên;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Nguyễn Thị Oanh